

MẪU 01. SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ **THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH**

Họ và tên (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh cơ sở giáo dục mầm non
(3 tháng tuổi đến < 6 tuổi)

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

(Trang này sẽ được in vào mặt sau trang bìa)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐

2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....

3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:

Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc

Chỗ ở hiện tại:

4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:

Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc

Chỗ ở hiện tại:

5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:

6. Tiền sử sức khỏe bản thân:

a) Sản khoa:

- Bình thường ☐

- Không bình thường: Đẻ thiếu tháng ☐ Đẻ thừa tháng ☐ Đẻ có can thiệp ☐ Đẻ ngạt ☐

- Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:

.....

b) Tiền sử bệnh/tật: Hen ☐ Động kinh ☐ Dị ứng ☐ Tim bẩm sinh ☐

c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7				

.....

.....

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2- THEO DÕI SỨC KHỎE

1. Theo dõi về thể lực (mỗi tháng/lần)

Tháng / Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;

Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng / NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Đánh giá tình trạng DD: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐		Đánh giá tình trạng DD: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐	

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh ≥ 24 tháng tuổi đến <36 tháng tuổi)

PHẦN 2- THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (Lần I - đầu năm học, Lần II - giữa năm học, Lần III - cuối năm học)

LỚP NĂM HỌC

Lần I Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng:

	- Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh ≥ 36 tháng tuổi đến <6 tuổi)

PHẦN 2- THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (Lần I - đầu năm học, Lần II - giữa năm học, Lần III - cuối năm học)

LỚP NĂM HỌC

Lần I NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐ Huyết áp: Tâm trương/mgHg Tâm thu/mgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐

	- Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

LỚP **NĂM HỌC**

Lần I <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐ Huyết áp: Tâm trương/mgHg Tâm thu/mgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng:

	- Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
--	--

LỚP NĂM HỌC

Lần I NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐ Huyết áp: Tâm trương/mgHg Tâm thu/mgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thế lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

2. Theo dõi diễn biến bất thường về sức khỏe

Thời gian	Chẩn đoán ban đầu	Xử trí	Ghi chú
-----------	-------------------	--------	---------

[illegible]

...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA

(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Nhi khoa a) Tuần hoàn b) Hô hấp: c) Tiêu hóa d) Thận-Tiết niệu đ) Thần kinh-Tâm thần e) Khám lâm sàng khác
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Mắt a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 b) Các bệnh về mắt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Tai-Mũi- Họng a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm:m

	- Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm:m b) Các bệnh về Tai-Mũi-Họng (nếu có)
Thời gian khám:/....../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Răng - Hàm - Mặt a) Kết quả khám: - Hàm trên - Hàm dưới b) Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có)
Thời gian khám:/....../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Cơ xương khớp a) Kết quả khám - Bình thường ☐ - Cong cột sống: Gù ☐ ưỡn ☐ - Vẹo cột sống: Hình chữ S ☐ Hình chữ C ☐ b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)

Nguồn: Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT